

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-ST
Ngày: 25-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Võ Tuấn Anh.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 05-6-1992, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp V, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr (đã chết) và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án: Tại Bản án số 50/2014/HSST ngày 08-8-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, Bản án số 20/2018/HSST ngày 25-5-2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, Bản án số 22/2020/HS-ST ngày 24-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; tiền sự: Không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14-02-2022 cho đến nay (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị hại:** Chị Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ô 4/33, khu phố C1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn Q có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 30-12-2021, bị cáo đi bộ đến địa bàn của huyện Gò Dầu để tìm nhà không người trông giữ để lấy trộm tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Khi đi ngang nhà của chị Huỳnh Thị Thanh T thuộc ấp V, xã P, huyện G, bị cáo

phát hiện nhà không người trông giữ nên bị cáo lén lút trèo qua hàng rào, đột nhập qua cửa sau vào nhà của chị T lấy 01 máy bơm nước công suất 1.5 HP đang gắn ở giếng rồi mang ra ngoài. Sau đó, trên đường bị cáo mang máy bơm nước vừa trộm được đi bán thì bị Công an xã P, huyện G bắt quả tang cùng vật chứng.

Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 17-01-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: 01 máy bơm nước công suất 1.5 HP trị giá 990.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 máy bơm nước công suất 1.5 HP đã trả lại cho chị T.

Về trách nhiệm dân sự: Chị T không yêu cầu bồi thường.

Về kê biên tài sản: Do bị cáo không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Tuy ngày 22-3-2022 bị hại chị Huỳnh Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra chị T trình bày: Chị đã nhận lại được tài sản bị trộm là 01 máy bơm nước công suất 1.5 HP nên chị không yêu cầu bồi thường và chị yêu cầu xử lý bị cáo với mức hình phạt theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKSGD ngày 15-3-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 09 tháng tù đến 01 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Do bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nên không trình bày được lời nói sau cùng. Tuy nhiên, tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 24-3-2022 bị cáo trình bày mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đã biết ăn năn, hối cải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo và bị hại: Tại phiên tòa bị cáo và bị hại vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt này không gây

trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với Điều 290 và Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Tại Cơ quan điều tra bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và có đủ căn cứ xác định:

Bị cáo Nguyễn Văn Q đã từng có tiền án về Tội trộm cắp tài sản nhưng ngày 30-12-2021 tại ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh, bị cáo lợi dụng lúc nhà của chị Huỳnh Thị Thanh T không có người trông giữ nên đã lén lút trèo qua hàng rào, đột nhập qua cửa sau vào nhà của chị T để thực hiện hành vi lấy trộm 01 máy bơm nước công suất 1.5 HP đang gắn ở giếng trị giá là 990.000 đồng. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do bị cáo muốn có tiền để sử dụng cho mục đích tiêu xài cá nhân, không chịu lao động lương thiện để sinh sống mà lại muốn hưởng thụ trên công sức lao động của người khác và bất chấp pháp luật. Cho nên, cần xử phạt tù bị cáo mới đủ sức răn đe và tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, để cải tạo và giáo dục bị cáo thành công dân tốt, biết chấp hành pháp luật khi hòa nhập cộng đồng, nhằm đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Huỳnh Thị Thanh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

[7] Xét toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-02-2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận bị hại chị Huỳnh Thị Thanh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo và bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng Lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Gò Dầu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh

